

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2019/HNGĐ-ST

Ngày 31 - 5- 2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Biện Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 200/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Cẩm L, sinh năm 1981; cư trú tại: Ấp CĐ, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Diệp Văn N, sinh năm 1981; cư trú tại: Ấp CĐ, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn chị Nguyễn Cẩm L trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị L và anh N kết hôn vào năm 2002, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn anh chị sống bên gia đình anh N. Trong quá trình chung sống do không phù hợp tính cách dẫn đến cự cãi và ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay chị L yêu cầu ly hôn anh N.

- Về con chung: Có ba người con chung tên Diệp Tâm Đ, sinh ngày 10/8/2003, Diệp Ngọc T, sinh ngày 15/7/2005 và Diệp Văn M, sinh ngày 24/01/2009. Hiện nay Tâm Đ đang đi làm tại Cà Mau, Ngọc T đang do chị L nuôi dưỡng, Văn M do anh N nuôi. Khi ly hôn ý kiến của con chung ở với ai thì người đó nuôi dưỡng, cấp dưỡng không đặt ra.

- Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Không có nên yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Diệp Văn N trình bày:**

- Về hôn nhân: Thời gian kết hôn, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn như chị L trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn anh N xác định mâu thuẫn trong tính cách và do anh bị bệnh thời gian đầu chị L có chăm sóc anh nhưng từ năm 2017 cho đến nay chị L đi làm ở Cà Mau và ly thân cho đến nay. Nay chị L xin ly hôn anh đồng ý.

- Về con chung: Có ba người con như chị L trình bày là đúng. Tâm Đ đang đi làm, Ngọc T do chị L nuôi, Văn M do anh N nuôi. Khi ly hôn nguyện vọng con ở với ai người đó nuôi, cấp dưỡng không đặt ra. Trường hợp Văn M có nguyện vọng sống với chị L thì anh cũng đồng ý.

- Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: không có nên yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị L và anh N có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị L và anh N kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Chị L có yêu cầu ly hôn, anh N đồng ý. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình của Quốc hội quy định *“Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001 trở đi ...nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng...”*. Do đó, khi xác lập mối quan hệ hôn nhân anh chị không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Cháu Diệp Tâm Đ, Diệp Ngọc T và Diệp Văn M. Xét thấy *“Văn bản ghi ý kiến”* ngày 24/5/2019 cháu Tâm Đ có nguyện vọng xin được ở với cha là Diệp Văn N, cháu Ngọc T và Văn M có nguyện vọng xin được ở với mẹ là chị Nguyễn Cẩm L là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L và anh N giao cháu Tâm Đ cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Ngọc T và Văn M cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp.

Vấn đề cấp dưỡng chị L và anh N không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Anh chị xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14, các Điều 15, 53, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia

đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí tòa án;

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Cẩm L và anh Diệp Văn N là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Diệp Tâm Đ (nữ), sinh ngày 10/8/2003 cho anh Diệp Văn N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Diệp Ngọc T, (nữ) sinh ngày 15/7/2005 và Diệp Văn M (nam), sinh ngày 24/01/2009 cho chị Nguyễn Cẩm L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Buộc anh Diệp Văn N phải giao lại cháu Diệp Văn M cho chị Nguyễn Cẩm L nuôi dưỡng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2.2. Chị Nguyễn Cẩm L và anh Diệp Văn N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Cẩm L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên L số 0009296 ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đàm Dơi; chị Nguyễn Cẩm L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đàm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đàm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Biện Thị Nhung

